BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 22/2020/TT-BGTVT	*Hà Nội, ngày 28 tháng 9 năm 2020*

THÔNG TƯ

Quy định quản lý nhiên liệu tiêu thụ và phát thải khí CO_2 từ tàu bay trong hoạt động hàng không dân dụng

Căn cứ Luật hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật hàng không dân dụng Việt Nam ngày 21 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 66/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định về Nhà chức trách hàng không;

Căn cứ Phụ ước 16 Tập 4 Công ước quốc tế Chicago về hàng không dân dụng ban hành lần 01 tháng 10 năm 2018;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Môi trường và Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam,

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về quản lý nhiên liệu tiêu thụ và phát thải khí CO_2 từ tàu bay trong hoạt động hàng không dân dụng.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về quản lý nhiên liệu tiêu thụ và phát thải khí CO_2 từ tàu bay trong hoạt động hàng không dân dụng Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến thu thập, báo cáo nhiên liệu tiêu thụ và phát thải khí CO_2 từ tàu bay trong hoạt động hàng không dân dụng Việt Nam.

2. Thông tư này không áp dụng đối với tàu bay hoạt động công vụ, bao gồm tàu bay chuyên cơ được sử dụng hoàn toàn riêng biệt, tàu bay quân sự, tàu bay chuyên dụng của lực lượng hải quan, công an; miễn trừ đối với chuyến bay nhân đạo, y tế, chữa cháy và chuyến bay ngay trước hoặc sau liên quan trực tiếp đến việc thực hiện các chuyến bay này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Chuyến bay là việc khai thác tàu bay từ khi cất cánh tại một sân bay đến khi hạ cánh tại sân bay khác.

2. Chuyến bay quốc tế là chuyến bay có ít nhất một sân bay cất cánh hoặc sân bay hạ cánh ngoài lãnh thổ Việt Nam. Hai hoặc nhiều chuyến bay liên tục có cùng số hiệu chuyến bay được xem như là các chuyến bay riêng lẻ.

3. Chuyến bay nội địa là chuyến bay có sân bay cất cánh và sân bay hạ cánh cùng nằm trong lãnh thổ Việt Nam.

4. Kế hoạch bay không lưu là các tin tức quy định cung cấp cho cơ quan quản lý bay (ATS) về chuyến bay dự định thực hiện hoặc một phần của chuyến bay.

5. Cặp sân bay là nhóm hai sân bay bao gồm sân bay đi và sân bay đến.

6. Cặp quốc gia là nhóm hai quốc gia bao gồm quốc gia bay đi và quốc gia bay đến.

7. Phương pháp giám sát nhiên liệu tiêu thụ là một trong 05 (năm) phương pháp giám sát trong Phụ ước 16 Tập 4 Công ước quốc tế Chicago về hàng không dân dụng (sau đây gọi tắt là Phụ ước 16 tập 4).

8. Kế hoạch giám sát nhiên liệu tiêu thụ, phát thải khí CO_2 của người khai thác tàu bay (sau đây viết tắt là Kế hoạch giám sát nhiên liệu) được xây dựng theo hướng dẫn tại Phụ ước 16 Tập 4.

9. Báo cáo nhiên liệu tiêu thụ và phát thải khí CO_2 từ tàu bay (sau đây viết tắt là Báo cáo phát thải) được xây dựng theo hướng dẫn tại Phụ ước 16 Tập 4.

10. Báo cáo xác minh (Verification report) là tài liệu do Tổ chức xác minh cung cấp sau khi đã tiến hành đánh giá, xác minh các thông tin liên quan đến kết quả và quá trình giám sát nhiên liệu tiêu thụ, phát thải khí CO_2 của người khai thác tàu bay xây dựng theo Phụ ước 16 Tập 4.

11. Tổ chức xác minh đáp ứng yêu cầu của Phụ ước 16 Tập 4 là tổ chức được công nhận bởi một Cơ quan công nhận về Tiêu chuẩn ISO 14065:2013.

12. Cơ quan công nhận theo quy định của Phụ ước 16 Tập 4 là pháp nhân hoạt động phù hợp với Tiêu chuẩn ISO/IEC 17011:2017, có phạm vi công nhận bao gồm Tiêu chuẩn ISO 14065:2013, được thừa nhận quốc tế theo các thỏa thuận thừa nhận đa phương (MLA) của Diễn đàn các tổ chức công nhận quốc tế (IAF) hoặc tương đương.

13. Giai đoạn giám sát nhiên liệu tiêu thụ là khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 của năm báo cáo.

Điều 4. Xác định các chuyến bay của người khai thác tàu bay

Người khai thác tàu bay nhận diện các chuyến bay của mình theo một trong các cách như sau:

1. Theo Mã định danh Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế (ICAO).

2. Theo Số đăng ký tàu bay.

a) Trong trường hợp một chuyến bay không thể nhận diện theo Mã định danh ICAO hoặc Số đăng ký tàu bay thì chuyến bay đó được xác định thuộc về chủ sở hữu tàu bay, khi đó chủ sở hữu tàu bay được xem là người khai thác tàu bay. Chủ sở hữu tàu bay phải cung cấp toàn bộ thông tin cần thiết để nhận diện chuyến bay của người khai thác tàu bay khi được yêu cầu.

b) Trong trường hợp cho thuê tàu bay bao gồm cả tổ bay, nếu một chuyến bay được khai thác theo Mã định danh ICAO của bên thuê, các nghĩa vụ liên quan đến lượng nhiên liệu tiêu thụ, phát thải khí CO_2 của chuyến bay được xác nhận cho bên thuê tàu bay.

c) Trong trường hợp chia chỗ chuyến bay (code-share), lượng phát thải của các hãng hàng không khác nhau được phân bổ cho người khai thác tàu bay có Mã định danh ICAO trong Kế hoạch bay không lưu.

3. Nhận diện một người khai thác tàu bay của một quốc gia

a) Một người khai thác tàu bay thuộc quyền của một quốc gia phải được nhận diện qua Mã định danh ICAO, Chứng chỉ người khai thác tàu bay (sau đây viết tắt là AOC) và nơi đăng ký pháp lý.

b) Khi người khai thác tàu bay đổi Mã định danh ICAO, AOC hoặc nơi đăng ký pháp lý đến quốc gia mới nhưng không thành lập công ty mới hoặc công ty con thì quốc gia này trở thành quốc gia quản lý người khai thác tàu bay cho giai đoạn tiếp theo.

c) Hai người khai thác tàu bay được coi là một cơ quan duy nhất nếu một người khai thác tàu bay này là công ty con do người khai thác tàu bay kia sở hữu toàn bộ và cả hai đều được đăng ký hợp pháp trong cùng một quốc gia và quốc gia này là quốc gia quản lý.

d) Việc coi một số người khai thác tàu bay là một cơ quan duy nhất không áp dụng khi người khai thác tàu bay được sở hữu hoàn toàn bởi một công ty mẹ không phải là người khai thác tàu bay.

đ) Khi hai người khai thác tàu bay được coi là một cơ quan duy nhất, lượng phát thải CO_2 của họ được tổng hợp để tính toán các yêu cầu bù đắp của cá thể này. Các thông tin và hồ sơ chứng minh phải được cung cấp đầy đủ trong Kế hoạch giám sát nhiên liệu của người khai thác tàu bay để chứng minh công ty con đó do công ty mẹ sở hữu toàn bộ.

Chương II
THU THẬP, GIÁM SÁT, BÁO CÁO NHIÊN LIỆU TIÊU THỤ VÀ PHÁT THẢI KHÍ CO_2 TỪ TÀU BAY

Mục 1. THU THẬP, GIÁM SÁT, BÁO CÁO NHIÊN LIỆU TIÊU THỤ, PHÁT THẢI KHÍ CO_2 ĐỐI VỚI CÁC CHUYẾN BAY QUỐC TẾ

Điều 5. Thu thập, giám sát nhiên liệu tiêu thụ và phát thải khí CO_2 đối với các chuyến bay quốc tế

1. Lựa chọn phương pháp giám sát nhiên liệu tiêu thụ.

a) Người khai thác tàu bay có lượng phát thải khí CO_2 hàng năm lớn hơn 50.000 tấn lựa chọn 01 (một) trong 05 (năm) phương pháp giám sát nhiên liệu tiêu thụ và theo dõi, ghi lại lượng nhiên liệu tiêu thụ hàng năm của các chuyến bay quốc tế theo phương pháp đã lựa chọn.

b) Người khai thác tàu bay có lượng phát thải khí CO_2 hàng năm nhỏ hơn 50.000 tấn hoặc tàu bay có tải trọng cất cánh tối đa đến 5.700 kg có thể sử dụng phương pháp giám sát nhiên liệu tiêu thụ hoặc sử dụng Công cụ báo cáo và ước tính phát thải (sau đây viết tắt là CERT) của ICAO để thực hiện giám sát lượng nhiên liệu tiêu thụ theo hướng dẫn tại Phụ ước 16 Tập 4.

c) Người khai thác tàu bay có lượng phát thải khí CO_2 đạt đến 50.000 tấn trong 02 (hai) năm liên tiếp thì áp dụng phương pháp giám sát nhiên liệu tiêu thụ từ ngày 01 tháng 01 của năm thứ 03 (ba).

d) Người khai thác tàu bay có lượng phát thải khí CO_2 giảm dưới 50.000 tấn trong 02 (hai) năm liên tiếp thì có thể sử dụng công cụ CERT của ICAO từ ngày 01 tháng 01 của năm thứ 03 (ba).

2. Kế hoạch giám sát nhiên liệu

a) Người khai thác tàu bay có lượng phát thải khí CO_2 hàng năm lớn hơn 10.000 tấn từ tàu bay có tải trọng cất cánh tối đa lớn hơn 5.700 kg xây dựng Kế hoạch giám sát nhiên liệu và thực hiện giám sát nhiên liệu tiêu thụ theo Phụ ước 16 Tập 4.

b) Người khai thác tàu bay với tàu bay có tải trọng cất cánh tối đa lớn hơn 5.700 kg, đạt mức phát thải 10.000 tấn xây dựng Kế hoạch giám sát nhiên liệu trong vòng ba 03 (ba) tháng kể từ khi bắt đầu khai thác chuyến bay quốc tế.

Điều 6. Báo cáo phát thải đối với các chuyến bay quốc tế

1. Hàng năm, người khai thác tàu bay tổng hợp lượng nhiên liệu tiêu thụ từ tàu bay của các chuyến bay quốc tế trong năm báo cáo, lập Báo cáo phát thải.

a) Người khai thác tàu bay có lượng phát thải khí CO_2 hàng năm lớn hơn 10.000 tấn từ tàu bay có tải trọng cất cánh tối đa lớn hơn 5.700 kg lập Báo cáo phát thải theo Mục 1.1 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Người khai thác tàu bay ngoại trừ điểm a khoản 1 Điều này lập Báo cáo phát thải theo Mục 1.2 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

c) Người khai thác tàu bay áp dụng tỷ trọng nhiên liệu để tính khối lượng nhiên liệu nạp cho tàu bay và ghi lại tỷ trọng nhiên liệu thực tế hoặc tỷ trọng nhiên liệu tiêu chuẩn khi sử dụng cho khai thác và vì lý do an toàn. Việc sử dụng tỷ trọng nhiên liệu thực tế hay tiêu chuẩn phải được ghi chi tiết trong Kế hoạch giám sát nhiên liệu và có tham chiếu với tài liệu phù hợp của người khai thác tàu bay.

2. Lượng phát thải khí CO_2 từ tàu bay được tính toán theo hướng dẫn tại Phụ ước 16 Tập 4. Hệ số phát thải CO_2 sử dụng theo hướng dẫn của ICAO.

Mục 2. GIÁM SÁT, BÁO CÁO NHIÊN LIỆU TIÊU THỤ ĐỐI VỚI CÁC CHUYẾN BAY NỘI ĐỊA

Điều 7. Phương pháp giám sát nhiên liệu tiêu thụ đối với các chuyến bay nội địa

Người khai thác tàu bay lựa chọn một trong năm phương pháp giám sát nhiên liệu tiêu thụ nêu tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này hoặc có thể sử dụng công cụ báo cáo và ước tính phát thải CERT để giám sát lượng nhiên liệu tiêu thụ, gửi Cục Hàng không Việt Nam.

Điều 8. Báo cáo nhiên liệu tiêu thụ đối với các chuyến bay nội địa

1. Người khai thác tàu bay ngoại trừ khoản 2 Điều này giám sát lượng tiêu thụ nhiên liệu hàng năm của các chuyến bay nội địa theo phương pháp giám sát đã lựa chọn, tổng hợp, xây dựng Báo cáo phát thải theo Mục 2 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Người khai thác tàu bay trực thăng tự tổng hợp, xây dựng Báo cáo phát thải theo Mục 2 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Mục 3. QUẢN LÝ CƠ SỞ DỮ LIỆU NHIÊN LIỆU TIÊU THỤ, PHÁT THẢI CO_2

Điều 9. Yêu cầu đối với Báo cáo phát thải

1. Báo cáo phát thải của người khai thác tàu bay được gửi Cục Hàng không Việt Nam trước ngày 01 tháng 3 hàng năm để tổng hợp cơ sở dữ liệu về nhiên liệu tiêu thụ, phát thải CO_2 trong hàng không dân dụng Việt Nam. Thời gian chốt số liệu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Báo cáo phát thải từ các chuyến bay quốc tế của người khai thác tàu bay có lượng phát thải khí CO_2 hàng năm lớn hơn 10.000 tấn từ tàu bay có tải trọng cất cánh tối đa lớn hơn 5.700 kg phải được xác minh theo hướng dẫn của Phụ ước 16 Tập 4; gửi Cục Hàng không Việt Nam trước ngày 31 tháng 5 hàng năm. Thời gian chốt số liệu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

3. Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm rà soát Báo cáo phát thải và Báo cáo xác minh theo hướng dẫn của Phụ ước 16 Tập 4.

Điều 10. Yêu cầu đối với cơ sở dữ liệu

1. Cơ sở dữ liệu về nhiên liệu tiêu thụ, phát thải CO_2 được xây dựng từ các báo cáo của người khai thác tàu bay gửi Cục Hàng không Việt Nam; được xử lý, lưu trữ, có giao diện truy cập phù hợp để khai thác dữ liệu qua môi trường mạng internet; có khả năng kết xuất dữ liệu.

2. Cơ sở dữ liệu được lưu dưới dạng số hóa phải đảm bảo tính trung thực, đúng đắn, không bị chỉnh sửa, đảm bảo an toàn, an ninh và lưu trữ trong thời hạn tối thiểu 10 (mười) năm.

Điều 11. Khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu

1. Cơ sở dữ liệu nhiên liệu tiêu thụ của tàu bay được khai thác phục vụ cho mục đích quản lý nhiên liệu tiêu thụ và giảm phát thải CO_2 từ tàu bay, thực hiện nghĩa vụ quốc gia thành viên ICAO và phục vụ công tác quản lý nhà nước của Bộ Giao thông vận tải.

2. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng cơ sở dữ liệu nhiên liệu tiêu thụ như nêu tại khoản 1 Điều này sẽ được Cục Hàng không Việt Nam cung cấp thông tin theo phương thức cấp tài khoản truy cập cơ sở dữ liệu.

Chương III
TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Điều 12. Trách nhiệm của Cục Hàng không Việt Nam

Cục Hàng không Việt Nam thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Nhà chức trách hàng không theo quy định của Nghị định số 66/2015/NĐ-CP của Chính phủ có trách nhiệm tổ chức, triển khai, thực hiện Thông tư này và các nội dung sau:

1. Thông báo và cập nhật danh sách các tổ chức xác minh báo cáo phát thải tại Việt Nam cho Trung tâm Đăng ký CORSIA của ICAO (ICAO CORSIA Central Registry); theo dõi Hệ số phát thải CO_2 do ICAO công bố và cập nhật trên Trang thông tin điện tử của Cục Hàng không Việt Nam tạo điều kiện để người khai thác tàu bay tra cứu, áp dụng.

2. Tổng hợp, báo cáo Bộ Giao thông vận tải dữ liệu tiêu thụ nhiên liệu, phát thải khí CO_2 của các chuyến bay quốc tế và các chuyến bay nội địa theo quy định của Thông tư số 48/2017/TT-BGTVT ngày 13 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giao thông vận tải quy định hệ thống chỉ tiêu thống kê và chế độ báo cáo thống kê ngành Giao thông vận tải

3. Tổng hợp, thông báo ICAO các thông tin của người khai thác tàu bay mang quốc tịch Việt Nam có các chuyến bay quốc tế; báo cáo dữ liệu phát thải theo các cặp quốc gia và tổng lượng phát thải khí CO_2 từ các chuyến bay quốc tế trước ngày 31 tháng 8 hàng năm.

4. Tổ chức xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu tiêu thụ nhiên liệu, phát thải khí CO_2 từ tàu bay mang quốc tịch Việt Nam đáp ứng các yêu cầu quản lý, khai thác, sử dụng và báo cáo cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước về hàng không dân dụng.

5. Rà soát Kế hoạch giám sát nhiên liệu của người khai thác tàu bay theo hướng dẫn của Phụ ước 16 Tập 4.

6. Rà soát việc thông tin được công khai hay được bảo mật theo đề nghị của người khai thác tàu bay và thông báo ICAO các dữ liệu cần bảo mật.

Điều 13. Trách nhiệm của Người khai thác tàu bay

1. Gửi Cục Hàng không Việt Nam Kế hoạch giám sát nhiên liệu, Báo cáo phát thải và cập nhật Kế hoạch giám sát nhiên liệu khi có các thay đổi liên quan đến người khai thác tàu bay theo hướng dẫn của Phụ ước 16 Tập 4.

2. Thực hiện các biện pháp ngăn ngừa, xử lý các dữ liệu thiếu hụt trong quá trình giám sát nhiên liệu tiêu thụ theo hướng dẫn Phụ ước 16 Tập 4.

3. Lưu trữ hồ sơ, dữ liệu liên quan đến nhiên liệu tiêu thụ trong thời hạn tối thiểu 10 (mười) năm.

4. Trường hợp Người khai thác tàu bay không báo cáo, lưu trữ dữ liệu nhiên liệu tiêu thụ và phát thải CO_2 , Cục Hàng không Việt Nam thực hiện theo các hướng dẫn của ICAO tại Phụ ước 16 Tập 4.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

Điều 15. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Lê Anh Tuấn

PHỤ LỤC. BÁO CÁO PHÁT THẢI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 22/2020/TT-BGTVT ngày 28/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định quản lý nhiên liệu tiêu thụ và phát thải khí CO_2 từ tàu bay trong hoạt động hàng không dân dụng)

1. Báo cáo phát thải của các chuyến bay quốc tế

1.1. Báo cáo phát thải của Người khai thác tàu bay theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 thông tư này.

Mục	Nội dung	Chi tiết
1	Thông tin người khai thác tàu bay	1.a. Tên người khai thác tàu bay 1.b. Chi tiết các thông tin liên lạc của người khai thác tàu bay 1.c. Tên đầu mối liên lạc 1.d. Quốc gia
2	Chi tiết tham chiếu Kế hoạch giám sát nhiên liệu	2. Tham chiếu của Kế hoạch giám sát nhiên liệu làm cơ sở cho giám sát nhiên liệu của năm
3	Thông tin về tổ chức xác minh và báo cáo xác minh	3.a. Thông tin về tên và liên lạc của tổ chức xác minh 3.b. Báo cáo xác minh được tách rời với báo cáo phát thải của người khai thác tàu bay
4	Năm báo cáo	4. Năm thực hiện giám sát nhiên liệu
5	Loại và khối lượng nhiên liệu tiêu thụ	5.a. Tổng lượng nhiên liệu tiêu thụ theo từng loại: - JETA (tấn) - JET A1 (tấn) - JET B (tấn) - AvGas (tấn)

Mục	Nội dung	Chi tiết
		Chú ý: *- Nhiên liệu trên bao gồm cả nhiên liệu sinh học* *- Người khai thác tàu bay sử dụng CERT không báo cáo mục này.*
6	Tổng chuyến bay	6.a. Tổng số chuyến bay quốc tế trong giai đoạn báo cáo *Chú ý: Tổng (công các giá trị tại mục 7)*
7	Số chuyến bay quốc tế theo cặp quốc gia hoặc cặp thành phố	7.a. Số chuyến bay quốc tế theo cặp quốc gia 7.b. Số chuyến bay quốc tế theo cặp thành phố
8	Phát thải khí CO_2 theo cặp quốc gia hoặc cặp thành phố	8.a. Phát thải khí CO_2 của các chuyến bay quốc tế theo cặp quốc gia 8.b. Phát thải khí CO_2 của các chuyến bay quốc tế theo cặp thành phố
9	Độ lớn của dữ liệu thiếu hụt (khoảng trống dữ liệu)	9.a. % khoảng trống dữ liệu (làm tròn tới 0,1%) 9.b. Lý do nếu % khoảng trống dữ liệu vượt quá mức cho phép
10	Thông tin tàu bay	10.a. Danh sách loại tàu bay 10.b. Nhận diện tàu bay theo mục 7 kế hoạch bay không lưu cho các chuyến bay quốc tế. Chỉ sử dụng mã định danh tàu bay của ICAO. 10.c. Thông tin về tàu bay thuê 10.d. Nhiên liệu tiêu thụ trung bình (AFBR) cho mỗi loại tàu bay tại danh sách 10.a (tấn/giờ lấy 03 (ba) số sau dấu thập phân) *Chú ý: 10.d chỉ yêu cầu khi sử dụng phương pháp nhiên liệu tiêu thụ phân bổ theo giờ bay*

Mục	Nội dung	Chi tiết
11	Đủ điều kiện và sử dụng công cụ báo cáo và ước tính phát thải (CERT)	11.a. Phiên bản CERT đã dùng 11.b. Phạm vi sử dụng CERT
12	Khai báo nhiên liệu sinh học	12.a. Loại nhiên liệu sinh học 12.b. Tổng toàn bộ nhiên liệu sinh học khai báo theo loại nhiên liệu
	Thông tin về phát thải của loại nhiên liệu	12.c. Giá trị vòng đời phát thải được phê chuẩn 12.d. Lượng phát thải giảm được do dùng nhiên liệu sinh học
	Tổng lượng phát thải giảm được	12.e. Tổng lượng phát thải giảm được do sử dụng nhiên liệu sinh học *Chú ý: Từ 12.a đến 12.e không cần thực hiện trong giai đoạn 2020 - 2026 hoặc đến khi Việt Nam có thông báo tham gia bù đắp CO_2*
13	Tổng phát thải CO_2	13.a. Tổng phát thải CO_2 (trên cơ sở tổng nhiên liệu báo cáo tại mục 5, báo cáo theo đơn vị tấn) 13.b. Tổng phát thải CO_2 để tính bù đắp 13.c. Tổng phát thải CO_2 từ các chuyến bay quốc tế không yêu cầu tính bù đắp

1.2. Báo cáo phát thải của Người khai thác tàu bay theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 thông tư này.

Báo cáo phát thải của các chuyến bay quốc tế không yêu cầu xác minh

Mục	Nội dung	Chi tiết
1	Năm báo cáo	1. Năm thực hiện giám sát phát thải

Mục	Nội dung	Chi tiết
2	Thông tin người khai thác tàu bay	1.a. Tên người khai thác tàu bay 1.b. Chi tiết các thông tin liên lạc của người khai thác tàu bay 1.c. Tên đầu mối liên lạc
3	Loại, khối lượng nhiên liệu tiêu thụ và phát thải	3.a. Tổng lượng nhiên liệu tiêu thụ theo từng loại: - JETA (tấn) - JET A1 (tấn) - JET B (tấn) - AvGas (tấn) - Loại khác nếu có 3.b. Lượng phát thải theo từng loại nhiên liệu 3.c. Tổng phát thải năm báo cáo
4	Chi tiết nhiên liệu tiêu thụ	4.a. Loại tàu bay (ICAO) 4.b. Cặp sân bay (ICAO) 4.c. Số chuyến bay 4.d. Loại nhiên liệu sử dụng cho loại máy bay theo chặng bay 4.đ. Nhiên liệu tiêu thụ 4.e. % nhiên liệu sinh học (nếu có) 4.g. Tổng nhiên liệu sử dụng

2. Báo cáo phát thải của các chuyến bay nội địa

Mục	Nội dung	Chi tiết
1	Năm báo cáo	1. Năm thực hiện giám sát nhiên liệu
2	Thông tin người khai thác tàu bay	1.a. Tên người khai thác tàu bay 1.b. Chi tiết các thông tin liên lạc của người khai thác tàu bay 1.c. Tên đầu mối liên lạc
3	Loại, khối lượng nhiên liệu tiêu thụ	3.a. Tổng lượng nhiên liệu tiêu thụ theo từng loại: - JETA (tấn) - JET A1 (tấn) - JET B (tấn) - AvGas (tấn) - Loại khác nếu có 3.b. Lượng phát thải theo từng loại nhiên liệu 3.c. Tổng phát thải năm báo cáo
4	Chi tiết nhiên liệu tiêu thụ	4.a. Loại tàu bay (ICAO) 4.b. Số chuyến bay 4.c. Loại nhiên liệu sử dụng cho loại máy bay theo chặng bay 4.d. Nhiên liệu tiêu thụ 4.đ. % nhiên liệu sinh học (nếu có) 4.e. Tổng nhiên liệu sử dụng